

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 2, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH VÀ CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH		
Mã học phần:	71FINC20013	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	71FINC20013_01,02		
Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>60</b>	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
  - + Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1
  - + Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1\_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng File Hot Potatoes. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

## II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>CLO1</b>	Vận dụng các kiến thức về hoạt động của hệ thống tài chính, vai trò của các công cụ tài chính và các tổ chức quản lý liên quan để giải quyết các tình huống trong học tập	Trắc nghiệm	40	Câu 1 đến câu 10	0,4đ/câu	<b>P.I 2.3</b>
<b>CLO2</b>	Vận dụng các kiến thức về công cụ tài chính trên thị trường tài chính và chính sách tài chính nhằm đưa ra phương án quyết định đầu tư	Trắc nghiệm	40	Câu 11 đến câu 20	0,4đ/câu	<b>P.I 2.3</b>
<b>CLO5</b>	Tuân thủ luật pháp trong thực hiện nghiệp vụ chuyên môn	Tự luận	20	Câu 21 - 22	1đ/câu	<b>P.I 9.1</b>

## III. Nội dung câu hỏi thi

### PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu + 0,4 điểm/câu)

Thị trường giao dịch tập trung là nơi giao dịch:

- A. Cổ phiếu niêm yết
- B. Trái phiếu chưa niêm yết
- C. Cổ phiếu chưa niêm yết
- D. Không có câu trả lời nào đúng

ANSWER: A

Trong các loại chứng khoán nào sau đây, lãi không được khấu trừ thuế:

- A. Cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi, chứng chỉ quỹ đầu tư
- B. Trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư
- C. Cổ phiếu thường, tín phiếu kho bạc, trái phiếu
- D. Chứng chỉ tiền gửi, thương phiếu, vay ngân hàng

ANSWER: A

Tài sản nào sau đây có tính thanh khoản cao nhất?

- A. **Cổ phiếu niêm yết**
- B. Cổ phiếu chưa niêm yết
- C. Trái phiếu chưa niêm yết
- D. Bất động sản

ANSWER: A

Cổ phiếu ưu đãi và cổ phiếu phổ thông khác nhau ở điểm:

- A. **Chia cổ tức và quyền hạn đối với công ty phát hành**
- B. Thời hạn hoàn vốn của chứng khoán
- C. Quyền điều hành công ty
- D. Quyền khấu trừ thuế

ANSWER: A

Tính thanh khoản của chứng khoán càng cao thì rủi ro:

- A. **càng thấp**
- B. càng cao
- C. không có
- D. không thay đổi

ANSWER: A

Để kiểm chế lạm phát, ngân hàng trung ương phải:

- A. **Thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt.**
- B. Thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng.
- C. Thực hiện chính sách tài khóa thắt chặt.
- D. Thực hiện chính sách tài khóa nới lỏng.

ANSWER: A

Thị trường tập trung khác với thị trường phi tập trung ở chỗ:

- A. **Địa điểm giao dịch các công cụ tài chính**
- B. Thời hạn của các công cụ tài chính.
- C. Giá trị của các công cụ tài chính
- D. Uy tín của doanh nghiệp phát hành

ANSWER: A

Lãi suất thị trường giảm nhằm:

- A. **Kích cầu, kích thích nền kinh tế phát triển**

- B. Kiểm chế lạm phát
- C. Cạnh tranh với các kênh đầu tư khác
- D. Phá giá đồng tiền

ANSWER: A

Lãi suất thị trường tăng, làm cho:

- A. Chi phí sử dụng vốn tăng**
- B. Chi phí sử dụng vốn giảm
- C. Chi phí tiêu dùng tăng
- D. Chi phí tiêu dùng giảm

ANSWER: A

Một trái phiếu được bán với giá cao hơn mệnh giá khi:

- A. Lãi suất mong muốn của nhà đầu tư trái phiếu < lãi suất danh nghĩa của trái phiếu**
- B. Lãi suất mong muốn của nhà đầu tư trái phiếu > lãi suất danh nghĩa của trái phiếu
- C. Lãi suất mong muốn của nhà đầu tư trái phiếu = lãi suất danh nghĩa của trái phiếu
- D. Không có cơ sở để so sánh

ANSWER: A

Nhiều nhà đầu tư đi rút tiền gửi ngân hàng khiến:

- A. Cung tín dụng giảm, lãi suất tăng**
- B. Cung tín dụng tăng, lãi suất giảm
- C. Cầu tín dụng tăng, lãi suất giảm
- D. Cầu tín dụng giảm, lãi suất tăng

ANSWER: A

Tính thanh khoản của chứng khoán càng cao thì rủi ro:

- A. càng thấp**
- B. càng cao
- C. không có
- D. không thay đổi

ANSWER: A

Giải pháp bù đắp thâm hụt ngân sách nhà nước có chi phí cơ hội thấp nhất là giải pháp gì?

- A. Vay tiền của dân cư**
- B. Phát hành tiền

- C. Tăng thuế
- D. Vay nợ nước ngoài

ANSWER: A

Việc phát hành trái phiếu làm tăng ..... của doanh nghiệp.

- A. nợ dài hạn**
- B. nợ ngắn hạn
- C. vốn chủ sở hữu
- D. chưa đủ cơ sở để kết luận

ANSWER: A

Ngày 10.10.2022 vừa qua, thông qua thị trường mở, Ngân hàng Nhà nước đã bơm ra thị trường hơn 21.679 tỷ để tạo tính thanh khoản cho các ngân hàng làm:

- A. Cung tiền tăng lên**
- B. Cung tiền giảm
- C. Cầu tiền tăng
- D. Cầu tiền giảm

ANSWER: A

Giả sử vào cuối năm nhất, ba mẹ bạn cho bạn 10 triệu đồng, cuối năm 2 bạn lại được ba mẹ cho 15 triệu nữa và bạn đã gửi tiết kiệm các khoản tiền này vào tài khoản Ngân hàng. Đến cuối năm 3, bạn rút ra 10 triệu. Vậy hỏi vào cuối năm thứ 4, bạn có bao nhiêu tiền trong tài khoản? (lãi suất huy động là 7%/năm)

- A. 18.723.930 đồng**
- B. 16.050.000 đồng
- C. 19.765.274 đồng
- D. 20.000.689 đồng

ANSWER: A

Khi Việt Nam bị thiên tai (bão lụt mất mùa), giả định các điều kiện khác không thay đổi, tỷ giá giữa đồng Việt Nam và Đô la Mỹ thay đổi như thế nào:

- A. Tăng**
- B. Giảm
- C. Không đổi
- D. Chưa đủ dữ kiện để phân tích

ANSWER: A

Theo Văn phòng Thống kê liên bang Đức (Destatis), lạm phát tại nền kinh tế lớn nhất Liên minh châu Âu (EU) đã duy trì ở mức trên 7% trong 7 tháng liên tiếp. Giá năng lượng tăng 43,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá năng lượng dành cho các hộ gia đình tăng mạnh nhất. Giá khí đốt cũng tăng 95%, giá dầu sưởi ảm thậm chí còn tăng hơn gấp đôi. Nguyên nhân gây ra lạm phát trong đoạn văn trên là gì?

**A. Lạm phát do chi phí đẩy**

B. Lạm phát do cầu kéo

C. Lạm phát do tiền tệ

D. Lạm phát do nhập khẩu

ANSWER: A

Trong ngắn hạn, khi thất nghiệp..... thì lạm phát .....

**A. tăng/ giảm**

B. tăng/ tăng

C. giảm/ giảm

D. Không có sự đánh đổi lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn, tuy nhiên trong dài hạn thì luôn luôn tồn tại điều này.

ANSWER: A

Chính sách phá giá, Chính phủ sẽ công bố..... giá nội tệ so với ngoại tệ để khuyến khích....., từ đó, tăng..... ngoại tệ.

**A. giảm/ xuất khẩu/ thu**

B. giảm/ nhập khẩu/ thu

C. tăng/ xuất khẩu/ thu

D. giảm/ xuất khẩu/ chi

ANSWER: A

## PHẦN TỰ LUẬN (2,0 câu)

### Câu 21 (1,0 điểm)

Định chế tài chính ngân hàng khác với định chế tài chính phi ngân hàng ở điểm nào? Cho ví dụ về các tổ chức nào thuộc định chế tài chính ngân hàng, tổ chức nào thuộc định chế tài chính phi ngân hàng?

### Câu 22 (1,0 điểm)

Tại sao Ngân hàng Nhà nước là nơi cứu cánh cuối cùng của ngân hàng thương mại?

## ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
<b>I. Trắc nghiệm</b>		<b>8,0</b>	
Câu 1 – 20	Đáp án A	0,4	
<b>II. Tự luận</b>		<b>2,0</b>	
<b>Câu 21</b>	Định chế tài chính phi ngân hàng không nhận tiền gửi ngắn hạn của người dân	0,25	
	Định chế tài chính phi ngân hàng không làm dịch vụ thanh toán	0,25	
	VD những tổ chức thuộc định chế tài chính ngân hàng: ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng, ...	0,25	
	VD những tổ chức thuộc định chế tài chính phi ngân hàng: công ty tài chính, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư,...	0,25	
<b>Câu 22</b>	Ngân hàng thương mại không được vay vốn tùy tiện từ Ngân hàng Nhà nước	0,25	
	Khi Ngân hàng Nhà nước cho Ngân hàng thương mại vay là lúc Ngân hàng Nhà nước phát hành tiền ra lưu thông	0,25	
	Khi tiền ra ngoài lưu thông nhiều gây ra tình trạng lạm phát	0,25	
	Vì thế trong trường hợp khẩn cấp thì Ngân hàng Nhà nước mới tái cấp vốn cho Ngân hàng thương mại	0,25	
		<b>10.0</b>	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2024

Giảng viên ra đề

  
 ThS. Lương Minh Lan